

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102/2026/HC-PT**

Ngày: 24/3/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Phùng Anh Dũng**

Ông **Đặng Kim Nhân**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:* Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 293/2025/HC-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa
án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 608/2026/QĐ-PT ngày
09/3/2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ thường trú:
Thôn F, C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (cũ) nay là Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng
mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H, sinh
năm 1997. Địa chỉ: I T, phường G, Quận E, TP . Hồ Chí Minh (cũ) nay là I T,
phường A, TP .; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số I T,
huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Chấm dứt hoạt động từ ngày 01/7/2025);

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E,
tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nông Văn P, sinh năm 1967. Địa chỉ thường trú: Thôn F, C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (cũ) nay là Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV L: Ông Nguyễn Phi T1 – Giám đốc Công ty; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện Hoàng Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H trình bày:**

Vào tháng 5/2024, bà Hoàng Thị D nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất số 124 và 138 tờ bản đồ số 10, xã C.

Ngày 14/6/2024, bà Hoàng Thị D đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất (cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của bà D nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm) và nhận hồ sơ bao gồm: Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ ngày 19/6 đến ngày 03/7/2024, UBND huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật. Ngày 22/8/2024, UBND xã C xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và tạo lập tài sản gắn liền với đất cho bà D. Tuy nhiên, sau đó UBND huyện E không phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ. Bà D không đồng ý với các quyết định của UBND huyện E mà yêu cầu Tòa án xem xét các nội dung sau đây:

Thứ nhất, đề nghị xem xét hủy bỏ quyết định thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K đối với các thửa đất của bà D. Vì diện tích đất trên do gia đình nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn D1, diện tích khoảng 12.000m² nay là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 vào năm 2008. Năm 2010 nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn T3 diện tích khoảng 500m² nay là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 10 và tiếp tục canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp, là nguồn thu thập chính của gia đình nên việc thu hồi đất của bà D để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình bà D lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi các thửa đất trên thì phải bồi thường cho gia đình bà D theo quy định pháp luật, cụ thể:

Gia đình bà D từ Cao Bằng chuyển vào xã C từ năm 2008 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận), các thửa đất trên được gia đình bà nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn D1, diện tích khoảng 12.000m² nay là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 vào năm 2008. Năm 2010 nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn T3 diện tích khoảng 500m² nay là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 10 và sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Từ năm 2008 đến nay, gia đình bà là hộ nghèo dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác. Trên đất hiện có nhà ở, chuồng gà, chuồng trâu được tạo lập từ năm 2003, 221 cây điều trồng năm 2000, 468 cây cà phê trồng năm 2007, 01 cây mít trồng năm 2000 và nhiều cây khác. Việc xác định thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác nhận chất lượng loại A. Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình bà D còn được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kỳ làm chứng.

Gia đình bà D sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình bà Hoàng Thị D là khai hoang từ năm 1996 và sử dụng ổn định đến nay. Do đó, khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ bà D theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

+ Tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

+ Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã quy định: trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp

thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

+ Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định “Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai.

+ Và có một số tài sản trên đất được gia đình bà D tạo lập sau năm 2013 nên đề nghị phải bồi thường các tài sản này cho gia đình bà. Vì gia đình bà D không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất của gia đình bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của hộ bà D cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, bà Hoàng Thị D mới nhận được các Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc thu hồi đất; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ bà D không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ bà D lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ được hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 243.054.432 đồng.

Vì vậy, bà Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Hoàng Thị D.

2. Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị D.

3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định của pháp luật đối với hộ bà Hoàng Thị D.

*** Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:**

I. Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: UBND huyện thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

II. Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ bà Hoàng Thị D:

1. Nguồn gốc đất: Căn cứ theo Kết quả xác nhận số 66/GXN-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ bà Hoàng Thị D thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 về việc cho Công ty L thuê 137.935.686m² đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty để sử dụng. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

2. Căn cứ bồi thường về đất: Căn cứ Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất bao gồm:

“1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;”

Đất của hộ bà Hoàng Thị D đang sử dụng thuộc điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai nên không được bồi thường về đất.

3. Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất: Điều 92 của Luật Đất đai quy định:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất:

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Tài sản gắn liền với đất của hộ bà Hoàng Thị D thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật đất đai nên không được bồi thường.

4. Căn cứ về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống: Căn cứ khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

Diện tích đất thu hồi của hộ bà Hoàng Thị D có nguồn gốc lần chiếm của Công ty TNHH MTV L, không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên, việc bà Hoàng Thị D buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn P1:** Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D.

*** Công ty TNHH MTV L có văn bản trình bày:**

Theo các văn bản, cơ sở pháp lý có liên quan nay Công ty TNHH MTV L phối hợp xác nhận, cung cấp thông tin phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình khu tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T4 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk như sau: Đối với các thửa đất nêu trên Công ty xác nhận không có hợp đồng liên kết. Về tài sản, cây trồng, vật kiến trúc gắn liền trên đất thuộc phạm vi dự kiến thu hồi, Công ty không đầu tư. Xác nhận thời điểm các hộ gia đình lần, chiếm sử dụng đất và tạo lập tài sản: Thửa đất của hộ bà D bị thu hồi là thửa đất số 138 và 124 đều thuộc tờ bản đồ số 10. Toàn bộ diện tích thu hồi nêu trên lần chiếm năm 2009 thuộc khoảnh 1; 3 và khoảnh 4 tiểu khu F theo quyết định số 1773/QĐ-UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Tài sản trên đất lần chiếm không thuộc công ty quản lý nên công ty không có cơ sở pháp lý để xác định thời điểm tạo lập tài sản trên đất. Tại thời điểm hộ gia đình lần chiếm, tạo lập tài sản, Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định. Tuy nhiên, một phần diện tích công ty đã dự thảo phương án trả về địa phương theo Phương án sử dụng đất năm 2018 đã được phê duyệt.

Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D:

[1.1] Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với

nội dung không hỗ trợ cây trồng được tạo lập sau ngày 28/10/2013 cho hộ bà Hoàng Thị D.

[1.2] Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của UBND huyện E) ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ cây trồng đã tạo lập trên thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 sau khi có Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E cho hộ bà Hoàng Thị D.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D về việc:

[2.1] Hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Hoàng Thị D;

[2.2] Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2, tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Hoàng Thị D. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất số 124 (diện tích thu hồi: 545,6m²) và thửa đất số 138 (diện tích thu hồi 11870,2m²) thuộc tờ bản đồ số 10 cho hộ bà Hoàng Thị D; Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật kiến trúc tạo lập trên thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 trước khi có Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Hoàng Thị D.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2025, bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm soát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của bà D và ông P giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo Bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đối với yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất:

Ngày 18/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện E của Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu)

thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có hộ bà Hoàng Thị D.

Hộ bà Hoàng Thị D, ông Nông Văn P bị thu hồi thửa đất số 124 diện tích 545,6m² đất LUK và thửa đất số 138 diện tích 11.870,2m² đất CLN, NTS (đều thuộc tờ bản đồ số 10 tại thôn F, xã C, huyện E) – BL 105.

Đại diện theo uỷ quyền của bà D trình bày, nguồn gốc đất bị thu hồi là vào năm 2008 gia đình bà nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn D1, diện tích khoảng 12.000m² nay là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10. Năm 2010, nhận chuyển nhượng (bằng giấy viết tay) của ông Nông Văn T3 diện tích khoảng 500m² nay là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 10 và canh tác ổn định.

Tại các Giấy xác nhận số 66/GXN-UBND ngày 29/12/2022 và số 07/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện các thửa đất trên của hộ bà D nằm trong tổng diện tích đất mà UBND tỉnh Đ cho Công ty L thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 và cấp GCNQSD đất cho Công ty. Do đó, có cơ sở xác định diện tích đất của hộ bà Hoàng Thị D sử dụng có nguồn gốc do lấn, chiếm. Việc ông D1 và ông T3 lấn chiếm đất của Công ty L, sau đó chuyển nhượng cho hộ bà D là trái quy định của pháp luật.

Tại Điều 64 Luật Đất đai quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm các trường hợp:

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

UBND huyện E ban hành quyết định số 04 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định của pháp luật về mục đích thu hồi đất, thẩm quyền thu hồi đất và trình tự thủ tục quy định tại các điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013. Do đó yêu cầu khởi kiện này của bà D là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Điều 82 Luật Đất đai quy định thì diện tích đất của hộ bà D có nguồn gốc lấn, chiếm đất của Công ty L được giao để quản lý, thời điểm thu hồi vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty L nên UBND huyện E không bồi thường về đất cho hộ bà D mà chỉ hỗ trợ là đúng quy định.

Khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định thì Giấy xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C (thay cho Giấy xác nhận số 66/GXN-UBND ngày 29/12/2022), xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng các thửa đất như sau:

Đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 10 (diện tích thu hồi: 545,6m²) xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lấn, chiếm đất của Công ty L năm 2009. Người khởi kiện chỉ cung cấp Giấy sang nhượng đất viết tay lập ngày 03/5/2010 (Âm lịch) mua của ông Nông Văn T3 (BL 02). Người khởi kiện không có chứng cứ nào khác chứng minh thời điểm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, nên UBND huyện E chỉ hỗ trợ

bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ là đảm bảo, phù hợp quy định.

Đối với thửa đất số 138 tờ bản đồ số 10 (diện tích thu hồi: 11.870,2m²): xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lần, chiếm đất của Công ty L năm 2009. Người khởi kiện chỉ cung cấp Giấy sang nhượng đất viết tay ngày 27-02-2008 (BL 01) mua của ông Nông Văn D1. Người khởi kiện Căn cứ Biên bản kiểm tra, rà soát, kiểm đếm, thống kê lại các thửa đất do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E và UBND xã C thực hiện ngày 27/6/2024 (BL07) cho rằng trên thửa 138/10 có nhiều tài sản tạo lập từ trước năm 2005 như: 129 cây Điều thường trồng năm 1998, 318 cây cà phê vối trồng năm 1998; 17 cây Điều thường trồng trụ tiêu năm 1998, tuy nhiên thông tin về thời điểm tạo lập là do hộ gia đình tự kê khai. Tại biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 04/11/2022, có đại diện cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác nhận độ tuổi, chủng loại và chất lượng cây trồng trên diện tích đất thu hồi của hộ Nông Văn P (chồng bà D) xác định: Trên thửa đất số 138, cây trồng lâu năm nhất là 129 cây điều thường được trồng năm 2007, các cây trồng khác được trồng từ năm 2012 đến năm 2021. Như vậy, ngoài lời trình bày của của hộ bà Hoàng Thị D thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 đã được sử dụng từ trước ngày 01/7/2004. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ nêu trên thì việc UBND huyện E hỗ trợ 50% đơn giá diện tích đất thu hồi tại thửa 138/10 (mua của ông Nông Văn D1) là đảm bảo, phù hợp quy định.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng tạo lập trước ngày có Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 trên thửa đất 138, tờ bản đồ số 10:

Do bà D không được bồi thường về đất nên cũng không được bồi thường tài sản trên đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ và khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định:

Theo Giấy xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C (BL 81-82) trên thửa đất số 138 (diện tích thu hồi: 11.870,2m²), gia đình bà D kê khai: Ao tạo lập năm 2000, chuồng bò và chòi rẫy tạo lập năm 2012 nên việc UBND huyện E hỗ trợ bằng 60% là phù hợp với quy định.

Đối với cây trồng tạo lập trên thửa đất số 138 được trồng trước thời điểm có Thông báo Thu hồi đất, như đã nhận định tại mục [2.2] thì không có tài liệu, chứng cứ xác định thửa đất số 138, tờ bản đồ số 10 đã được sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, nên UBND huyện E hỗ trợ đối với cây trồng bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu hỗ trợ đòi với các cây trồng tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013:

UBND huyện E có ban hành Thông báo Thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 nhưng hộ bà Hoàng Thị D không được nhận thông báo thu hồi đất và UBND huyện E cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc giao nhận hoặc niêm yết thông báo thu hồi đất theo quy định pháp luật. Do không biết việc đất bị thu hồi nên gia đình bà Hoàng Thị D vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất cho đến khi bị cưỡng chế. Quá trình tạo lập tài sản trên đất sau khi có thông báo thu hồi đất, hộ bà D không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó, việc UBND huyện E căn cứ vào Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 để xác định những cây trồng, vật kiến trúc do hộ bà D tạo lập sau ngày 28/10/2013 không được hỗ trợ là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ bà Hoàng Thị D nên cần buộc UBND huyện E hỗ trợ theo quy định.

Đối với khoai sọ sắp thu hoạch, chuối không buồng và cây ngô mới trồng, bí đỏ đang hình thành trái chưa thu hoạch và cỏ voi trên thửa đất số 138, đây là các cây ngăn ngày, hộ bà D đã tận thu nên không hỗ trợ.

[5] Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hộ gia đình bà Hoàng Thị D sử dụng đất có nguồn gốc lấn, chiếm, không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, quy định về đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà Hoàng Thị D

[6] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định, phù hợp và đúng pháp luật nên hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[7] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì Bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P không phải chịu án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 149/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính: Bà Hoàng Thị D và ông Nông Văn P không phải chịu.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường